**Phụ lục 2**

**DỰ KIẾN TÁC ĐỘNG THU NSNN VỀ THUẾ BVMT THEO PHƯƠNG ÁN ĐỀ XUẤT**

(Giảm mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn xuống bằng mức sàn trong Khung mức thuế BVMT)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Sản phẩm** | **Khung thuế theo Luật thuế BVMT (đ/đvt thuế)** | **Sản lượng tính thuế (triệu lít, kg)** | **Mức thuế BVMT** | | **Số thu thuế BVMT** | | | **Mức giảm thuế GTGT theo PA điều chỉnh (tỷ đồng)** | **Tổng số giảm thu NSNN  dự kiến  (tỷ đồng)** | **Số giảm thu NSNN bq 1 tháng (bao gồm thuế GTGT) (tỷ đồng)** |
| **Hiện hành (đ/đvt thuế)** | **PA điều chỉnh  (đ/đvt thuế)** | **Theo mức thu hiện hành (tỷ đồng)** | **Theo PA điều chỉnh (tỷ đồng)** | **Mức giảm  (tỷ đồng)** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7=4x5* | *8=4x6* | *9=8-7* | *10=9x10%* | *11=9+10* | *12=11/12t* |
| 1 | Xăng (triệu lít) | 1.000-4.000 | 8.227,0 | 2.000 | **1.000** | 16.454,0 | 8.227,0 | -8.227,0 | -822,7 | -9.049,7 | -754,1 |
| 2 | Dầu Diesel-DO (triệu lít) | 500-2.000 | 11.637,0 | 1.000 | **500** | 11.637,0 | 5.818,5 | -5.818,5 | -581,9 | -6.400,4 | -533,4 |
| 3 | Dầu mazut, dầu nhờn (triệu lít) Mỡ nhờn-FO (triệu kg) | 300-2.000 | 914,0 | 1.000 | **300** | 914,0 | 274,2 | -639,8 | -64,0 | -703,8 | -58,6 |
| 4 | Dầu hỏa (triệu lít) | 300-2.000 | 43,0 | 300 | **300** | 12,9 | 12,9 | 0,0 | 0,0 | 0,0 | 0,0 |
| 5 | Nhiên liệu bay (triệu lít) | 1.000-3.000 | 1.172,0 | 1.500 | **1.000** | 1.758,0 | 1.172,0 | -586,0 | -58,6 | -644,6 | -53,7 |
|  | **Tổng** | | | | | **30.775,9** | **15.504,6** | **-15.271,3** | **-1.527,1** | **-16.798,4** | **-1.399,9** |
| **Ghi chú:**  - Sản lượng tính thuế (cột 4) là sản lượng tính thuế cho cả năm. Số liệu tính toán trên cơ sở sản lượng tính thuế năm 2019 vì từ 2020-2021 là giai đoạn dịch Covid-19 xảy ra, phải thực hiện giãn cách xã hội nên sản lượng tiêu thụ xăng dầu sẽ giảm. Từ năm 2022, Chính phủ đã có chủ trương chuyển sang trạng thái bình thường mới, mở cửa nền kinh tế nên dự kiến sản lượng tiêu thụ xăng dầu sẽ tương đương như giai đoạn trước dịch.  - Mức thuế BVMT hiện hành (cột 5) được lấy theo Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15.  - Số thu thuế BVMT theo mức thu hiện hành (cột 7) được tính trên cơ sở mức thuế theo Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 và tính cho cả năm.  - Số thu thuế BVMT theo PA điều chỉnh (cột 8): tính trên cơ sở mức thuế theo đề xuất và tính cho cả năm.  - Mức giảm số thu thuế BVMT (cột 9) và tổng số giảm thu NSNN dự kiến (cột 11) được tính cho cả năm. | | | | | | | | | | | |